TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2026/HS-ST
Ngày 11 - 06 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

- Thư ký tại điểm cầu thành phần: Ông Phạm Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1- Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 06 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm - Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng và điểm cầu thành phần - Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 86/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 05 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2026/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 06 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Hùng T, sinh ngày 26 tháng 11 năm 1977, tại Hải Phòng; Căn cước công dân số: abc; nơi thường trú: thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: xã Tân Minh, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Quyết và bà Đỗ Thị O; có vợ Phạm Thị S (đã ly hôn); tiền án: Bản án số 44/2023/HS-ST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/01/2026 đến ngày 03/02/2026 chuyển tạm giam. Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân nghiện ma túy Heroine, khoảng 11 giờ 35 phút ngày

30/01/2026, Phạm Hùng T một mình bắt xe ôm từ nhà sang khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng để mua ma túy, loại Heroine về sử dụng. Đến nơi, T gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 01 túi ma tuý Heroine với số tiền 250.000 đồng. Mua được ma tuý, T cất giấu ma túy vào túi áo khoác phía trước bên phải đang mặc rồi thuê xe ôm đi về. Khi đi đến khu vực tổ dân phố Tân Dương 2, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, T xuống xe thì bị lực lượng Công an phường Thủy Nguyên kiểm tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Thu giữ tại túi áo khoác phía trước bên phải T đang mặc 01 túi nilon có viên đỏ, kích thước (5,5x4) cm, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng. Ngoài ra Phạm Hùng T còn khai ngày 29/01/2026 T đi mua Hêroin mang về nghĩa trang xã Tân Minh, thành phố Hải Phòng một mình sử dụng hết, bản thân T chưa đi cai nghiện ma tuý lần nào.

T hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Hùng T, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại Kết luận giám định số 137/KL-KTHS ngày 02/02/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng kết luận: "Chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,32 gam, loại: Heroine; Mẫu nước tiểu của Phạm Hùng T gửi giám định tìm thấy chất ma túy, loại: Morphine.

Vật chứng gồm: 01 bì giấy niêm phong số 137MT/PC09 bên trong có 0,22 gam Heroine cùng vỏ bao gói của mẫu vật đã chuyển Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng quản lý.

Tại phiên tòa bị cáo trình bày thống nhất về hành vi như đã nêu trên, đồng ý với nội dung Kết luận giám định, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Tại Bản cáo trạng số 52/CT-VKSHPG-KV ngày 13 tháng 05 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Hải Phòng đã truy tố Phạm Hùng T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 48 đến 54 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 bì giấy niêm phong số 137MT/PC09 bên trong có 0,22 gam Heroine cùng vỏ bao gói của mẫu vật. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận gì, lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện, tỏ ra ăn năn, hối cải và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan T hành tố tụng, của người được giao thẩm quyền T hành tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[2] Về tội danh, định khung hình phạt: Ngày 30/01/2026, tại khu vực tổ dân phố Tân Dương 2, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bị cáo Phạm Hùng T có hành vi cất giấu trái phép trong người chất ma túy loại Heroine có khối lượng 0,32 gam với mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tệ nạn ma túy đang là hiểm họa lớn đối với toàn xã hội, gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội khác. Bị cáo đã bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý chưa được xoá án tích nay lại phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Với phân tích trên, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và xử phạt bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, bị cáo không có việc làm ổn định, điều kiện kinh tế của bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 bì giấy niêm phong số 137MT/PC09 bên trong có 0,22 gam Heroine cùng vỏ bao gói của mẫu vật.

[7] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý của Phạm Hùng T, bản thân T chưa đi cai nghiện hoặc điều trị các chất ma tuý bằng thuốc thay thế nên công an phường Thuỷ Nguyên đã chuyển công an xã Tân Minh, thành phố Hải phòng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật.

[8] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Đối tượng bán ma tuý cho Phạm Hùng T trong quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch nên cơ quan điều tra xác minh làm rõ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, Tuyên bố bị cáo Phạm Hùng T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Xử phạt: Bị cáo Phạm Hùng T 48 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giữ 30/01/2026.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc bị cáo Phạm Hùng T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 bì giấy niêm phong số 137MT/PC09 bên trong có 0,22 gam Heroine cùng vỏ bao gói của mẫu vật hoàn lại sau giám định. (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 05 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND cùng cấp;
- THADS TP Hải Phòng;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:</u>

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành

quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì

ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)